

**BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG**

Số: 440 /TM-VDD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc cung cấp báo giá gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao thuộc hoạt động xét nghiệm định lượng 880 mẫu vitamin D huyết thanh và 880 mẫu Hb của trẻ từ 24 đến 59 tháng tuổi của đợt đánh giá ban đầu và đợt đánh giá kết thúc; xác định nồng độ kẽm huyết thanh cho trẻ từ 24 đến 59 tháng tuổi có nguy cơ và suy dinh dưỡng (SDD) thấp còi thuộc đề tài đánh giá hiệu quả bổ sung sản phẩm Dielac Grow Plus đối với tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, rối loạn tiêu hóa, nhiễm khuẩn hô hấp trên và biếng ăn trên trẻ 24 đến 59 tháng tuổi có nguy cơ và suy dinh dưỡng (SDD) thấp còi

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao thuộc hoạt động xét nghiệm: Định lượng 880 mẫu vitamin D huyết thanh và 880 mẫu Hb của trẻ từ 24 đến 59 tháng tuổi của đợt đánh giá ban đầu và đợt đánh giá kết thúc; Xác định nồng độ Kẽm huyết thanh cho trẻ từ 24 đến 59 tháng tuổi có nguy cơ và suy dinh dưỡng (SDD) thấp còi thuộc đề tài đánh giá hiệu quả bổ sung sản phẩm Dielac Grow Plus đối với tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, rối loạn tiêu hóa, nhiễm khuẩn hô hấp trên và biếng ăn trên trẻ 24 đến 59 tháng tuổi có nguy cơ và suy dinh dưỡng (SDD) thấp còi.

Danh mục báo giá: Chi tiết theo mẫu đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Báo giá bằng giá tiền đồng Việt nam.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí gói thầu.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm quét PDF (Đã đóng dấu và gửi qua Email).

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị; Viện Dinh dưỡng.

Địa chỉ: 48B Tăng Bạt Hổ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Thời gian gửi báo giá: Trước 16 giờ 00 Ngày 09 tháng 11 năm 2023.

Thông tin liên hệ: Bà Lý Thị Tuyền, phòng Vật tư - Quản trị.

Số điện thoại: 0989664052; Email: thauvtqt.nin@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Website của Viện Dinh dưỡng (để công khai);
- Lưu: VT, VTQT.



Trần Thanh Dương

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO YÊU CẦU BẢO GIÁ
(Kèm theo Công văn số: 440 /TM-VDD ngày 07 tháng 11 năm 2023)

TT	Tên hóa chất vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Acetonitrile for liquid chromatography	Hóa chất acetonitrile tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$. Nước $\leq 0,05\%$. Độ acid $\leq 0,0005$ meq/g. Độ bazo $\leq 0,0002$ meq/g.	2,5 lít/ chai	Chai	1	
2	Acid Nitric	Hóa chất acid nitric tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 65\%$. Nhiệt độ nóng chảy: -41°C . Tỉ trọng (d): 1,4	1 lít/ chai	chai	1	
3	Acid nitric 68 % for trace metal analysis	Acid nitric trace metal: Dùng trong chai HDPE, dùng cho máy IC, GF hoặc Flame AA, ICP-OES, ICP-MS. Độ tinh khiết: $\geq 68\%$ (HNO ₃ , w/w).	500 ml/ chai	Chai	2	
4	Bơm tiêm nhựa 5 ml	Bơm tiêm 5 ml (cỡ kim :23x1"), tiết trùng bằng khí gas EO, chất liệu nhựa y tế được đóng trong từng túi nilong riêng biệt.	100 chiếc/ hộp	Hộp	11	
5	Chất chuẩn 25-Hydroxyvitamin D ₃ (100 µg/ml)	Hàm lượng: $(100 \pm 0,5)$ µg/ml trong Ethanol, công thức hóa học: C ₂₇ H ₄₄ O ₂ . Đóng gói trong lọ màu nâu, chất liệu thủy tinh UPS loại I.	1ml/ lọ	Lọ	1	
6	Chất chuẩn nội D6-25-Hydroxyvitamin D ₃ (50 µg/ml)	Hàm lượng: $(50 \pm 0,23)$ µg/ml trong Ethanol, công thức hóa học: C ₂₇ H ₃₈ D ₆ O ₂ . Đóng gói trong lọ màu nâu, chất liệu thủy tinh UPS loại I.	1ml/ lọ	Lọ	1	
7	Chất chuẩn Zn	Chất chuẩn Zn phân tích. Nồng độ 1000 mg/L trong HNO ₃ 2 %.	500ml/ lọ	Lọ	1	
8	Cốc thủy tinh có mỏ 1 L	Cốc thủy tinh có mỏ dung tích 1000ml. Vật liệu thủy tinh borosilicat, cấp chính xác A, có vùng ghi nhãn.	Chiếc	Chiếc	2	
9	Cột sắc ký lỏng C18 (2,7 µm, 2,1 x 100mm)	Cột sắc ký lỏng C18: 2,7 µm, 2,1 x 100 mm, khoảng chịu pH từ 2,0-9,0. Giới hạn áp suất: 9.000 psi. Kích thước lỗ: 90 Å. Nhiệt độ làm việc tối đa: 60°C	Chiếc	Chiếc	1	

TT	Tên hóa chất vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Đầu lọc mẫu PTFE 0,45 μm , đường kính 15 mm	Đầu lọc mẫu kích cỡ lỗ lọc 0,45 μm , đường kính 15 mm, chất liệu PTFE.	50 chiếc/hộp	Hộp	22	
11	Đầu tip 1000 μl	Làm bằng nhựa polypropylene, tiết trùng, có vạch chia thể tích. Thể tích: 1000 μl .	100 chiếc/hộp	Hộp	27	
12	Đầu tip 200 μl	Làm bằng nhựa polypropylene, tiết trùng, có vạch chia thể tích. Thể tích 200 μl .	96 chiếc/hộp	Hộp	56	
13	Đầu tip 5 ml	Đầu tip thể tích 5 ml. Kích thước: chiều dài 120 mm. Vật liệu: nhựa, có vạch chia thể tích, chịu acid và dung môi hữu cơ.	100 chiếc/túi	Túi	1	
14	Ethanol absolute for analysis	Hóa chất ethanol tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99,9\%$. Cặn bay hơi $\leq 0,0005\%$, hàm lượng nước $\leq 0,1\%$.	2,5 lít/chai	Chai	1	
15	Formic acid 98-100 %	Hóa chất formic acid tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 98\%$. Cặn không tan: $\leq 10\text{ ppm}$. Hàm lượng kim loại nặng: $\leq 10\text{ ppm}$	1 lít/chai	Chai	1	
16	Găng tay y tế nitrile không bột talc	Găng tay y tế không có bột talc cỡ M, chất liệu cao su nitrile nhân tạo, bề mặt đầu ngón tay nhám, xe viền cổ tay.	100 chiếc/hộp	Hộp	2	
17	Găng tay y tế không bột talc	Găng tay y tế không có bột talc cỡ S, M chất liệu cao su.	100 chiếc/hộp	Hộp	4	
18	Hemoglobin human lyophilized powder	Dạng bột đông khô màu đỏ đậm hoặc đỏ nâu; Hàm lượng nước (Karl Fischer) $\leq 15\%$; Hàm lượng sắt (Fe): 0,25 - 0,35%	1g/lọ	Lọ	1	

TT	Tên hóa chất vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Isopropanol (2-propanol)	Hóa chất isopropanol (2-propanol) tinh khiết dùng trong phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$. Cặn bay hơi $\leq 0,001\%$. Hàm lượng nước $\leq 0,05\%$.	1 lít/ chai	Chai	1	
20	Khẩu trang y tế kháng khuẩn 4 lớp	Khẩu trang 4 lớp. Có thanh nhôm kim loại tạo sự ôm khít mặt, thành phần: gạc không dệt, màng lọc khuẩn. Khử khuẩn bằng EO, đạt tiêu chuẩn khẩu trang y tế.	50 chiếc/ hộp	Hộp	7	
21	Khí Acetylen	Khí Acetylen: Độ tinh khiết: 98 %.	40 lít/ bình	Bình	1	
22	Khí Nitor	Độ tinh khiết 99,99 %.	40 lít/ bình	Bình	2	
23	Lọ đựng mẫu (vial)	Lọ đựng mẫu nắp vặn, dung tích 1,5 – 2 ml, sử dụng cho máy HPLC, GC, LC/MS/MS. Chất liệu thủy tinh borosilicate, có vạch chia thể tích 0,5 - 1,0 - 1,5 ml và nhãn ghi, đường kính miệng lọ 9 mm, kích thước 12 x 32 mm có nắp nhựa xoáy và septa bằng chất liệu PTFE/ silicone.	100 chiếc/ hộp	Hộp	2	
24	Lọ micro insert 250 μ l	Lọ micro insert 250 μ l, chất liệu thủy tinh, màu trắng, đáy nhọn, chân polymer. Hình nón với trục tâm bên trong chính xác 250 μ l. Dùng cho lọ đựng mẫu nắp xoáy 1,5 – 2 ml. Kích thước 29 x 6 mm	100 chiếc/ hộp	Hộp	4	
25	Methanol for liquid chromatography	Hóa chất methanol tinh khiết dùng cho máy sắc ký lỏng (HPLC grade). Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$. Cặn bay hơi $\leq 3,0$ mg/l. Hàm lượng nước $\leq 0,03\%$.	2,5 lít/ chai	Chai	4	
26	n-Hexane for analysis	Hóa chất n-Hexane tinh khiết dùng cho phân tích, độ tinh khiết $\geq 98,5\%$. Cặn bay hơi $\leq 0,001\%$; hàm lượng nước $\leq 0,005\%$.	2,5 lít/ chai	Chai	2	

TT	Tên hóa chất vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	Ống ly tâm nhựa 1,5 ml	Được làm từ chất liệu nhựa polypropylene, không có DNase, RNase, Pyrogen và chất ức chế PCR, đáy nhọn. Chịu được lực ly tâm tối đa: 20.000 vòng/phút, có phần mờ để viết nhãn.	500 cái/túi	Túi	9	
28	Ống ly tâm nhựa 15 ml	Ống ly tâm dung tích 15 ml. Không chứa Dnase/Rnase, tiệt trùng. Chất liệu PE. Chịu được hóa chất, dung môi. Chịu được nhiệt độ: -80°C đến 120°C. Chịu được lực ly tâm tối đa 12500 x g.	50 chiếc/túi	Túi	22	
29	Ống ly tâm nhựa 50 ml	Ống ly tâm dung tích 50 ml. Không chứa Dnase/Rnase, tiệt trùng. Chất liệu PE. Chịu được hóa chất, dung môi. Chịu được nhiệt độ: -80°C đến 120°C. Chịu được lực ly tâm tối đa 17000 x g.	25 chiếc/túi	Túi	2	
30	Ống nghiệm nhựa nắp vặn	Chất liệu: polypropylene, không chia độ, có nắp vặn, không bị rò rỉ và thích hợp để ly tâm. Màu: trong suốt Thể tích: 12 ml Kích thước: 16x100mm	Cái	Cái	300	
31	Pipet bán tự động 20-200μL	Dung tích 20-200 μL. Sai số $\pm 0,5 \mu\text{L}$ tại 20 μL, $\pm 1,2 \mu\text{L}$ tại 200 μL. Có thể điều chỉnh thể tích từ 20-200 μL, Piston bằng vật liệu forttron, có khả năng chịu ăn mòn dung môi hữu cơ. Lực ấn nhẹ, có thiết kế giảm xóc. Thân pipet có cửa sổ hiển thị mức thể tích khi sử dụng, thể tích hiển thị 4 chữ số. Có 2 nắp nhấn.	Chiếc	Chiếc	1	
32	Pipet bán tự động 500-5000 μL	Dung tích 500-5000 μL. Sai số $\pm 12 \mu\text{L}$ tại 500, $\pm 30 \mu\text{L}$ tại 5000 μL. Có thể điều chỉnh thể tích từ 500-5000 μL. Piston bằng vật liệu forttron, có khả năng chịu ăn mòn dung môi hữu cơ. Lực ấn nhẹ, có thiết kế giảm xóc. Thân pipet có cửa sổ hiển thị mức thể tích	Chiếc	Chiếc	1	

TT	Tên hóa chất vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		khi sử dụng, thể tích hiển thị 4 chữ số. Có 2 nắp nhấn.				
33	Potassium cyanide	Công thức hóa học: KCN. Độ tinh khiết $\geq 96\%$ Nhiệt độ nóng chảy: 634°C ; Nhiệt độ sôi: 1625°C (tại 1013 Pa)	1 kg/ lọ	Lọ	1	
34	Potassium ferricyanide	Công thức hóa học: $(\text{K}_3(\text{Fe}(\text{CN})_6))$. Độ tinh khiết $\geq 97,5\%$. Dạng tinh thể màu cam đến đỏ; Phân tử khối: 329,25 g/mol	1 kg/ lọ	Lọ	1	
35	Serum Calibrator for 25-OH-Vitamin D2 / D3	Chất nội kiểm huyết thanh, dạng đông khô dùng cho xét nghiệm vitamin D, hoàn nguyên trong 2ml.	2ml/ lọ x 5 lọ/hộp	Hộp	1	
36	Sodium hydrogen carbonate	Công thức hóa học: (NaHCO_3) . Độ tinh khiết $\geq 99,7\%$. Dạng rắn màu trắng; pH: 8,3	1 kg/ lọ	Lọ	1	
37	Water for chromatography	Nước dùng cho LC-MS, cặn bay hơi $\leq 5\text{ mg/l}$. Phát huỳnh quang (như quinine) tại $254\text{ nm} \leq 1\text{ ppb}$. Phát huỳnh quang (như quinine) tại $365\text{ nm} \leq 0,5\text{ ppb}$.	2,5 lít/ chai	Chai	10	